TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 652/2025/HS-PT
Ngày: 22 - 12 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 và 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 373/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Bùi Quốc H do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 566/2025/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị hại có kháng cáo:* Ngân hàng N5 (A1);

Địa chỉ: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn N; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N5 – Chi nhánh T13 (có mặt).

Địa chỉ: A L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo liên quan đến kháng cáo*: Bùi Quốc H, giới tính: nam; sinh ngày 24 tháng 9 năm 1979, tại tỉnh Sơn La; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 60/1/18 (số mới là 62/2/5) L, Phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C - T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:* Bệnh viện T14;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Đình Bảo A; Chức vụ: Phó Giám đốc (có mặt).

Địa chỉ: Số B C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng N5 (gọi tắt là Ngân hàng A1) Chi nhánh T13, địa chỉ: A L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là Chi nhánh loại I, hạng I trực thuộc Ngân hàng A1, được thành lập theo quyết định số 279/QĐ-HĐQT-TCCB ngày 12/07/2001 của Hội đồng quản trị Ngân hàng A1, gồm có 01 hội sở, 4 Phòng giao dịch (Phòng G1, Phòng G1, Phòng G1, Phòng G1) và 01 Chi nhánh loại I (đến ngày 31/12/2024, được điều chỉnh trực thuộc Ngân hàng A1 - Chi nhánh S3).

Phòng G1 trực thuộc Ngân hàng A1 Chi nhánh T13 (gọi tắt là Phòng G1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 01125 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 03/12/2013, đăng ký thay đổi lần 3, ngày 02/7/2024; địa chỉ: C Â, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh B trực thuộc Ngân hàng A1 Chi nhánh T13 (gọi tắt là Chi nhánh B) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100686174-036 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 01/12/2007, đăng ký thay đổi lần 6, ngày 03/6/2024; địa chỉ: C T, Phường A, T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngày 04/6/2015 đến ngày 05/8/2018, Bùi Quốc H là Giám đốc Phòng G1 và từ ngày 06/8/2018 đến ngày 16/12/2023, H là Phó Giám đốc phụ trách, điều hành Chi nhánh B. Trong thời gian giữ các chức vụ trên, H được giao nhiệm vụ duyệt, ký, quản lý Hợp đồng tiền gửi, trao đổi và giao dịch với Bệnh viện T14. Với ý định chiếm đoạt tiền của Bệnh viện T14 là khách hàng thường xuyên gửi tiền tiết kiệm tại Phòng G1 và Chi nhánh B với số lượng tiền lớn, H đã liên hệ với một đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) đặt làm giả các con dấu Bệnh viện T14, dấu chữ ký ông Lê Quang T1 (Giám đốc Bệnh viện T14), dấu chữ ký của ông Trần Ngọc H1 (Giám đốc Bệnh viện T14). Sau khi có các con dấu giả trên, lợi dụng vị trí là Giám đốc Phòng G1 và Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh B, H đã giả chữ ký của các cá nhân có chức vụ, quyền hạn của Bệnh viện T14, sử dụng con dấu giả, dấu các chữ ký giả đóng vào các hợp đồng tiền gửi giữa Bệnh viện T14 và Ngân hàng A1, các chứng từ liên quan đến việc gửi tiền của Bệnh viện T14, làm giả 12 Ủy nhiệm chi của Bệnh viện T14, ký giả chữ ký trên các chứng từ và chuyển các Ủy nhiệm chi giả cho nhân viên Ngân hàng A1 hạch toán chuyển tổng số tiền **96.122.011.500 đồng** từ Ngân hàng A1 đến tài khoản Số 2293449 đứng tên Trần Đức T2 (bạn của H) mở tại Ngân hàng A2. Sau đó H nhờ T2 chuyển toàn bộ số tiền trên đến tài khoản của Bùi Quốc Hoàn S 234619019 mở tại Ngân hàng A2 (T2 không biết việc H chiếm đoạt tiền của Ngân hàng A1 và cũng không được hưởng lợi ích gì). Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của Ngân hàng A1, H sử dụng tiêu xài cho mục đích cá nhân.

Để che dấu hành vi chiếm đoạt tiền gửi của Bệnh viện T14 tại Ngân hàng

A1, H đã sử dụng con dấu giả của Bệnh viện T14; các dấu tên giả của Lê Quang T1, Trần Ngọc H1; giả chữ ký của các kế toán trưởng của Bệnh viện T14 là bà Hoàng Thị Thu H2, ông Phạm Hoàng N1; giả chữ ký chủ tài khoản Bệnh viện T14 là bà Hoàng Thị Thanh T3 và ông Lê Quang T1; ký giả chữ ký của các nhân viên Ngân hàng A1 Chi nhánh T13 để làm giả các Hợp đồng tiền gửi của Bệnh viện T14, các thư xác nhận số dư tài khoản của Ngân hàng A1 cho Bệnh viện T14 và các chứng từ liên quan; sử dụng một phần số tiền chiếm đoạt được để thanh toán lãi tiền gửi cho Bệnh viện T14. Do đó, trong thời gian dài, Bệnh viện T14 và Ngân hàng A1 không phát hiện được hành vi chiếm đoạt tài sản của Bùi Quốc H. Cụ thể:

- Giai đoạn từ ngày 15/8/2015 đến ngày 05/8/2018, với vai trò là Giám đốc Phòng G1, Bùi Quốc H được phân công phụ trách chung mọi hoạt động của Phòng G1; trong đó, có nhiệm vụ duyệt, ký, quản lý Hợp đồng tiền gửi, trao đổi và giao dịch với Bệnh viện T14. Tổ giúp việc có: Võ Hoàng Minh T4 - Phó giám đốc Phòng G1 kiểm soát toàn bộ chứng từ giao dịch của Phòng G1; Các nhân viên, gồm: Hoàng Liên S1 - Cán bộ tín dụng, Nguyễn Thị T5 - Thủ quỹ quầy giao dịch loại 1, Trần Thị Thanh T6, chức vụ: Giao dịch viên quỹ và Hoàng Thị H3, chức vụ: Giao dịch viên quầy loại 2. Trong giai đoạn này, Bùi Quốc H đã thực hiện hành vi ký giả chữ ký bà Hoàng Thị Thu H2 - Kế toán trưởng (bệnh viện T14), giả chữ ký bà Huỳnh Thị Thanh T7 - Phó giám đốc, Chủ tài khoản (Bệnh viện T14); sử dụng con dấu giả của Bệnh viện T14 đóng trên 04 Ủy nhiệm chi (các ngày 22/3/2017: 13.317.000.000 đồng ; 14/9/2017: 6.014.900.000 đồng ; 14/3/2018: 13.320.900.000 đồng ; 15/6/2018: 6.471.000.000 đồng) và giao số chứng từ này cho Trần Thị Thanh T6 - Giao dịch viên, Võ Hoàng Minh T4 - Kiểm soát viên Phòng G1 thực hiện tiếp nhận, xử lý chứng từ, hạch toán lệnh chuyển tổng số tiền **39.124.300.000 đồng** từ tài khoản của Bệnh Viện T, mở tại Ngân hàng A1 - Chi nhánh T13 đến tài khoản của Trần Đức T2. Sau đó, H yêu cầu T2 chuyển toàn bộ số tiền đến tài khoản của H và chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân (các nhân viên Phòng G1 không biết hành vi chiếm đoạt tiền của Bùi Quốc H).

- Giai đoạn từ ngày 06/8/2018 đến 16/12/2023, Bùi Quốc H là Phó Giám đốc phụ trách, điều hành Chi nhánh B, được phân công phụ trách, điều hành, có trách nhiệm chung chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của Chi nhánh, trong đó có nhiệm vụ duyệt, ký, quản lý Hợp đồng tiền gửi, trao đổi và giao dịch với Bệnh viện T14. Tổ giúp việc có: Phó Giám đốc, gồm: Trần Bình H4 (từ ngày 05/10/2015 đến ngày 30/06/2022), Hoàng Lam G (từ ngày 01/07/2022 đến ngày 03/10/2022), Bùi Hồng T8, Tô Thị Đ (từ ngày 15/08/2019 đến ngày 02/05/2019) và Hoàng Lam G (từ ngày 01/07/2022 đến nay). Phòng Kế toán - Ngân quỹ, gồm: Nguyễn Thị Thúy V - Phó Trưởng phòng phụ trách (từ 01/11/2017 đến ngày 01/11/2019) và Trưởng phòng (từ 01/11/2019 đến ngày 01/5/2024) và Bùi Hồng T8 - Phó Trưởng phòng Kế toán – Ngân quỹ (từ ngày 10/9/2018 đến ngày 01/01/2020) và các Giao dịch viên, gồm: Vũ Thị Hải L (từ ngày 31/12/2008 đến 15/05/2018), Phạm Thị P (từ ngày 15/08/2008 đến ngày 01/03/2020, từ 15/9/2022 đến ngày 01/5/2024), Hoàng Ngọc H5 (từ ngày 01/10/2015 đến

15/09/2022), Nguyễn Thị Hồng T9 (từ ngày 01/04/2014 đến ngày 01/06/2018), Trình Nguyễn An K (từ ngày 15/05/2018 đến ngày 01/10/2018), Lê Thị N2 (từ ngày 01/3/2020 đến ngày 21/03/2022), Hoàng Thị H3 (từ ngày 21/03/2022 đến ngày 01/5/2024), Trì Thủy Â (từ ngày 01/02/2023 đến nay). Trong giai đoạn làm Phó giám đốc phụ trách Chi nhánh B, H đã trao đổi và nhờ Bệnh viện T14 chuyển toàn bộ số tiền gửi tại Phòng G1 đến Chi nhánh B với lý do để dễ quản lý và được Bệnh Viện Từ Dũ đồng ý chuyển tiền gửi của Bệnh viện T14 qua ký hợp đồng tiền gửi với Chi nhánh B do H làm Phó giám đốc phụ trách. Cũng với thủ đoạn đã từng làm khi còn giữ vai trò là Giám đốc Phòng G1, Bùi Quốc H đã: ký giả chữ ký của ông Phạm Hoàng N1 - Kế toán trưởng (bệnh viện T14); ký giả chữ ký của ông Lê Quang T1 - Chủ tài khoản (Bệnh viện T14); làm giả hình dấu tròn Bệnh viện T14; làm giả dấu chữ ký của ông Lê Quang T1 - Giám đốc Bệnh viện T14; làm giả dấu chữ ký của ông Trần Ngọc H1 - Giám đốc Bệnh viện T14 (từ tháng 10/2022 đến nay) trên 08 Ủy nhiệm chi (các ngày 22/11/2018: 5.000.000.000đồng; 23/11/2018: 3.000.000.000 đồng; 04/12/2018: 8.000.000.000 đồng; 23/4/2019:2.600.000.000đồng; 21/9/2020: 7.800.000.000 đồng; 21/9/2021: 10.699.616.500đồng;24/02/2022:6.025.184.673đồng;17/01/2023:13.875.000.000 đồng) và giao chứng từ cho 07 nhân viên Chi nhánh B, gồm: Trần Bình H4, Nguyễn Thị Thúy V - Kiểm soát viên và Trần Thị Thanh T6, Hoàng Ngọc H5, Phạm Thị P, Hoàng Thị H3, Lê Thị N2 - Giao dịch viên thực hiện hạch toán chuyển số tiền **56.997.711.500 đồng** từ tài khoản của Bệnh Viện T, mở tại Chi nhánh B đến tài khoản của Trần Đức T2. Sau đó, H yêu cầu T2 chuyển toàn bộ số tiền đến tài khoản đứng tên H và chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân. (các nhân viên Chi nhánh B không biết được hành vi chiếm đoạt tiền của Bùi Quốc H).

Kết quả điều tra xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2017 đến tháng 01/2023, Bùi Quốc H lợi dụng chức vụ Giám đốc Phòng G1, đến năm 2018 là Phó giám đốc Phụ trách, điều hành Chi nhánh B đã thực hiện hành vi nêu trên để chiếm đoạt số tiền 96.122.011.500 đồng từ tài khoản của Bệnh viện T14 mở tại Ngân hàng A1 – Chi nhánh T13.

Các cá nhân gồm: Võ Hoàng Minh T4 - Nguyên Phó giám đốc Phòng G1, Trần Bình H4 - Nguyên Phó Giám đốc Chi nhánh B, Nguyễn Thị Thúy V - Trưởng phòng kế toán - ngân quỹ, 05 giao dịch viên: Trần Thị Thanh T6, Hoàng Ngọc H5, Phạm Thị P, Hoàng Thị H3, Lê Thị N2 là Nhân viên Ngân hàng A1 - Chi nhánh T13 đã tiếp nhận từ B 12 Ủy nhiệm chi đã ghi sẵn nội dung (từ năm 2017 đến năm 2023), chuyển số tiền 96.122.011.500 đồng đến tài khoản đứng tên Trần Đức T2. Khi tiếp nhận Ủy nhiệm chi từ H, các cá nhân trên đã đối chiếu, thấy khớp đúng chữ ký của chủ tài khoản, kế toán trưởng (Bệnh viện T14), hình dấu tròn của Bệnh viện T14 trên Ủy nhiệm chi so với dữ liệu trên Hệ thống nội bộ của Ngân hàng A1 (IPCAS) nên đã thực hiện xử lý chứng từ (Ủy nhiệm chi), luân chuyển, hạch toán lệnh chuyển số tiền 96.122.011.500 đồng đến tài khoản Trần Đức T2 theo đúng quy trình nghiệp vụ của Ngân hàng A1 và

ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu Chi nhánh B trên Liên 2 (giao khách hàng) Ủy nhiệm chi giao cho H để bàn giao cho khách hàng và lưu L1 1 (ngân hàng) tại Ngân hàng để thực hiện nghiệp vụ hậu kiểm, lưu trữ chứng từ theo quy định. Các cá nhân trên không biết H đã làm giả hình dấu tròn của Bệnh viện T14, giả chữ ký của chủ tài khoản, kế toán trưởng của Bệnh viện trên 12 Ủy nhiệm chi đối với số tiền 96.122.011.500 đồng của Ngân hàng A1; đồng thời, không thực hiện bàn bạc, trao đổi gì với H về các hành vi của H đã thực hiện và cũng không hưởng bất kỳ lợi ích vật chất nào từ số tiền H đã chiếm đoạt.

Đối với Trần Đức T2 (bạn của H): Vào khoảng đầu tháng 3/2017, H đề nghị T2 cho H mượn tài khoản ngân hàng đứng tên T2 tại Ngân hàng A2 để nhận tiền do Ngân hàng A1 giải ngân để H sử dụng kinh doanh. Do có quan hệ quen biết, bạn bè từ năm 2010 nên từ ngày 22/03/2017 đến ngày 17/01/2023, Trần Đức T2 đã 12 lần cho Bùi Quốc H mượn tài khoản Ngân hàng A2 để Ngân hàng A1 – Chi nhánh T15 tổng cộng số tiền 96.122.011.500 đồng và theo yêu cầu của Hoàn T10 đã chuyển lại toàn bộ tiền đến tài khoản cá nhân của H. T10 không biết nguồn gốc số tiền được giải ngân là tiền do H phạm pháp và không được hưởng lợi ích nào từ số tiền H chiếm đoạt của Ngân hàng A1.

Các cá nhân thuộc Bệnh viện T14 gồm**:** bà Huỳnh Thị Thanh T7 (Phó Giám đốc Bệnh viện T14 - chủ tài khoản của Bệnh viện T14 tại Ngân hàng A1 – Chi nhánh T13 giai đoạn từ năm 2012 đến tháng 03/2017) ; bà Hoàng Thị Thu H2 – Nguyên Kế toán trưởng Bệnh viện T14 (Từ năm 2012 đến tháng 10/2017); ông Lê Quang T1 – Nguyên Giám đốc Bệnh viện T14 **(**Từ 26/10/2012 đến 26/10/2022); ông Trần Ngọc H1 – Giám đốc Bệnh viện T14 (Từ 27/10/2022 đến nay); ông Phạm Hoàng N1 – Kế toán trưởng Bệnh viện T14 (đã chết vào lúc 00 giờ 00 phút, ngày 15/01/2024); Trương Giới N3, Lê Hoàng Á, Trương Gia N4 là nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán Bệnh viện T14 không biết việc H làm giả nội dung trong các Hợp đồng tiền gửi, các Thông báo xác nhận số dư hàng năm và giả chữ ký của các nhân viên Ngân hàng A1 trên các tài liệu, các chứng từ Ngân hàng được H giao cho Bệnh viện; không bàn bạc, thỏa thuận và không được hưởng bất kỳ lợi ích vật chất nào từ việc H chiếm đoạt tiền của Ngân hàng A1.

Đối với bà Hoàng Thị Phương Q (vợ Bùi Quốc H kết hôn tháng 12/2021) không biết H làm giả con dấu, tài liệu của Bệnh viện T14, Ngân hàng A1 để thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 96.122.011.500 đồng, không hưởng lợi ích vật chất nào từ số tiền H chiếm đoạt của Ngân hàng A1.

***Kết quả xác minh những người có liên quan*:**

Quy trình tổ chức giao dịch và xử lý lệnh chuyển tiền đi:Ngân hàng A1 quy định tổ chức giao dịch với khách hàng trong hệ thống A1 theo Quyết định số 149/QĐ-HĐTV-TCKT ngày 28/02/2014 gồm 03 bước: tiếp nhận, xử lý nhu cầu của khách hàng hoặc yêu cầu hạch toán từ Phòng/Bộ phận nghiệp vụ; Kiểm soát, xử lý giao dịch; Trả kết quả giao dịch cho khách hàng/ Phòng, Bộ phận nghiệp vụ liên quan (nếu có).

Khi thực hiện xử lý lệnh chuyển tiền đi phải thực hiện theo Quyết định số 5206/QĐ-NHNo-TTTT, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng A1 quy định:

Đối với khách hàng: chứng từ chuyển tiền do khách hàng ký xác lập bao gồm: Chứng từ giấy (ủy nhiệm chi, giấy nộp tiền, L2 chuyển tiền, Bảng kê chuyển tiền,...) và chứng từ điện tử (chứng từ lập từ chương trình do A1 cung cấp dịch vụ khách hàng: chương trình kết nối khách hàng, Internet banking, T11 NHNN,...); Chứng từ chuyển tiền được lập theo đúng mẫu A1 quy định, đầy đủ và chính xác các thông tin cần thiết của người chuyển tiền và người thụ hưởng (đối với cá nhân: gồm các thông tin về họ và tên, giấy tờ tùy thân, tài khoản (nếu có), số điện thoại, địa chỉ liên hệ; đối với tổ chức: gồm các thông tin về tên, tài khoản,...), ký xác thực chữ ký (chứng từ điện tử: chữ ký số đã đăng ký với A1), đóng dấu (nếu có), thực hiện đúng quy định của pháp luật, của Ngân hàng N6 và của A1.

Đối với chi nhánh khởi tạo lệnh: - Kiểm tra chứng từ: đối với chứng từ giấy: Giao dịch viên kiểm tra nội dung thông tin trên chứng từ chuyển tiền khách hàng đảm bảo in/ghi đầy đủ, rõ ràng, chính xác các yếu tố theo đúng quy định về chế độ chứng từ kế toán ngân hàng, khớp đúng nội dung giữa các liên; thực hiện đúng quy định về Luật phòng chống rửa tiền và các quy định của Ngân hàng N6, quy định của A1 về thực thi Luật phòng chống rửa tiền; Đối với giao dịch trích tiền từ tài khoản: Giao dịch viên kiểm tra chữ ký và dấu (nếu có) của khách hàng trên tất cả các liên. Chữ ký và dấu (nếu có) trên chứng từ phải khớp đúng với mẫu khách hàng đã đăng ký còn hiệu lực do A1 mở tài khoản cập nhật tại Hệ thống nội bộ của Ngân hàng A1 (IPCAS); Đối với chứng từ điện tử phải nhận chứng từ điện tử, hệ thống tự động kiểm tra các yếu tố trên chứng từ theo Quy định về chứng từ điện tử; Đối với chứng từ thanh toán Nợ của khách hàng phải có Hợp đồng chấp nhận chuyển tiền Nợ (chuyển tiền Nợ có ủy quyền) của người nhận lệnh và người nhận lệnh phải có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng T16.

- Kiểm tra khả năng thanh toán: trường hợp chuyển tiền từ tài khoản, Giao dịch viên kiểm tra số dư trên tài khoản thanh toán của người trả tiền (bao gồm cả hạn mức thấu chi tài khoản), đảm bảo khách hàng đủ khả năng thanh toán chuyển tiền và phí dịch vụ phát sinh; Trường hợp khách hàng nộp tiền mặt để chuyển tiền, Giao dịch V1 nhận và kiểm đếm đủ số tiền nộp, bao gồm số tiền chuyển và phí (nếu có), đối chiếu khớp đúng với chứng từ của khách hàng trước khi xử lý thủ tục chuyển tiền;

- Lập và chuyển Lệnh thanh toán: Giao dịch viên lập lệnh tại màn hình chuyển tiền trong nước trên Hệ thống nội bộ của Ngân hàng A1 (IPCAS);

- Lập Lệnh từ chứng từ điện tử: nhận chứng từ điện tử để thanh toán tiếp, sau khi hệ thống kiểm tra chuẩn dữ liệu điện. Nếu chứng từ không có sai sót, Giao dịch viên căn cứ nội dung trên chứng từ điện tử để phân loại tạo Lệnh thanh toán theo các phương thức phù hợp; Tạo lập Lệnh thanh toán chuyển tiếp đi: Hệ thống thực hiện chuyển tiếp toàn bộ thông tin, dữ liệu gốc của lệnh giao dịch điện tử nhận đến để tạo lập Lệnh thanh toán đi, chi nhánh không được phép sửa đổi bất kỳ yếu tố nào về thông tin khách hàng chuyển, nhận (tên, tài khoản, giấy tờ tùy thân, mã số thuế ...), nội dung, số tiền chuyển trên Lệnh giao dịch điện tử chuyển sang; Giao dịch viên kỷ xác thực Lệnh thanh toán, in Bảng kê chuyển tiền đến chuyển tiếp đi do Giao dịch viên trực tiếp xử lý và chuyển kiểm soát

viên phê duyệt;

- Kiểm soát Nhận chứng từ do Giao dịch V1 chuyển tới, Kiểm soát viên kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ chứng từ chuyển; kiểm tra phân quyền tài khoản (user) của Giao dịch viên; Kiểm tra sự khớp đúng giữa các yếu tố trên chứng từ gốc với dữ liệu Lệnh thanh toán đã lập trên Hệ thống nội bộ của Ngân hàng A1 (IPCAS) và xử lý và ký chứng từ gốc và chuyển trả hồ sơ chứng từ hoàn thành cho Giao dịch V1.

*Quy định về Hợp đồng tiền gửi và lãi suất của Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng A1:*Ngân hàng A1 quy định về mở và sử dụng tài khoản tiền gửi tiền gửi từ năm 2012 đến nay theo văn bản số 1122/QĐ-HĐQT-KHTH ngày 25/07/2011, văn bản số 656/QĐ-HĐTV-KHNV ngày 15/08/2019 và văn bản số 2208/QĐ-NHNo-KHNV ngày 18/10/2019. Đối với lãi suất tiền gửi từng thời kỳ được Tổng Giám Đốc Ngân hàng A1 ban hành văn bản quy định về lãi suất huy động tiền gửi và thực hiện niêm yết công khai tại các điểm giao dịch của A1 và thẩm quyền duyệt lãi suất của hợp đồng tiền gửi: Căn cứ Văn bản ban hành lãi suất của Tổng Giám Đốc A1 theo từng thời kỳ giao cho các Giám Đốc Chi nhánh loại I chỉ đạo và chuyển tiếp văn bản đến các Chi nhánh loại II và Phòng giao dịch trực thuộc, Giám đốc Chi nhánh loại I ban hành lãi suất tiền gửi áp dụng tại Chi nhánh loại II và các đơn vị trực thuộc thực hiện ký kết các Hợp đồng tiền gửi. Tại Ngân hàng A1 không có quy định cho phép các chi nhánh, Phòng giao dịch thực hiện chi lãi ngoài số tiền lãi đã nêu trong Hợp đồng tiền gửi (gọi tắt là lãi ngoài) cho các cá nhân là chủ tài khoản, đơn vị ký Hợp đồng tiền gửi. Đồng thời, Ngân hàng A1 – Chi nhánh T13 (Phòng G1, Chi nhánh B) không thực hiện chi lãi ngoài cho các cá nhân là chủ tài khoản, kế toán trưởng của Bệnh viện T14.

Quy định tiền gửi tại Bệnh viện T14: Bệnh viện T14 được Ủy ban nhân dân T17 giao quyền tự chủ tài chính chi thường xuyên và chi đầu tư nên việc gửi tiết kiệm (là một hình thức của Hợp đồng tiền gửi) tại các Ngân hàng thương mại nói chung và tại Ngân hàng A1 nói riêng là thuộc thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị (Bệnh viện T14) trong việc chủ động quản lý, sử dụng các nguồn thu hợp pháp, các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và có hiệu quả. Từ năm 2018 đến nay, Bệnh viện T14 thực hiện hạch toán tiền gửi tiết kiệm với kỳ hạn 12 tháng trở xuống vào tài khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (TK1211) và hạch toán tiền lãi vào doanh thu hoạt động tài chính (TK515) theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ T18 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Bệnh viện T14 không ban hành quy định, quy trình nghiệp vụ về quản lý tiền gửi, quản lý Hợp đồng tiền gửi, quản lý số dư tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng. Vào ngày 31/12 hàng năm, Bệnh viện T14 yêu cầu các Ngân hàng (trong đó có Phòng G1 và Chi nhánh B) gửi văn bản xác nhận số dư để thực hiện đối soát về thông tin các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và số dư tiền gửi có kỳ hạn. Đối với các chứng từ ngân hàng để được ghi chép, phản ánh vào sổ sách kế toán và lưu trữ tại Bệnh viện phải có đầy đủ nội dung, chữ ký sống và dấu mộc đỏ của đối tác nên Bệnh viện T14 không ban hành quy định, quy trình nghiệp vụ kế toán về giao nhận chứng từ giữa Bệnh viện T14 và Ngân

hàng,

Bệnh viện T14 không có chủ trương hoặc ban hành các quy định về việc yêu cầu các ngân hàng, tổ chức tín dụng phải chi số tiền ngoài số tiền lãi đã nêu trong Hợp đồng tiền gửi (lãi ngoài) cho Bệnh viện hoặc các cá nhân là chủ tài khoản, kế toán trưởng, nhân viên kế toán theo dõi Hợp đồng tiền gửi. Đến nay, Bệnh viện T14 không nhận được bất kỳ khoản tiền lãi ngoài nào từ Bùi Quốc H cũng như Phòng G1 và Chi nhánh B.

Kết quả xác minh lời khai của Bùi Quốc H liên quan đến khoản chi hoa hồng của Bùi Quốc H cho Lê Quang T1 (nguyên Giám đốc Bệnh viện T14): Bùi Quốc H khai đã chuyển cho ông Lê Quang T1 số tiền 6.069.904.839 đồng (Hoàn chi lãi ngoài cho ông T1 theo tỷ lệ 0,35%/ số tiền ghi trên Hợp đồng tiền gửi của 92 Hợp đồng tiền gửi nhưng không có ai biết và không ai chứng kiến việc giao nhận tiền này. Tuy nhiên, Lê Quang T1 xác định không nhận tiền hoặc bất cứ lợi ích vật chất nào từ H liên quan đến Hợp đồng tiền gửi giữa Bệnh viện T14 và Ngân hàng A1 - Chi nhánh B.

***Kết quả trưng cầu giám định*:**

- Ngày 25/01/2024, Phòng K1 Công an T19 đã ban hành Kết luận giám định số 1603/KL-KTHS, kết luận:

+ Chữ ký đứng tên Hoàng Thị Thu H2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký tên Hoàng Thị Thu H2 trên tài liệu mẫu so sánh, không phải do cùng 01 người ký ra;

+ Chữ ký đứng tên Huỳnh Thị Thanh T7 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký tên Huỳnh Thị Thanh T7 trên tài liệu mẫu so sánh, không phải do cùng 01 người ký ra;

+ Chữ ký đứng tên Phạm Hoàng N1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A7 đến A12 so với chữ ký tên Phạm Hoàng N1 trên tài liệu mẫu so sánh, không phải do cùng 01 người ký ra;

+ Chữ ký đứng tên Lê Quang T1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A5 đến A08, A13 so với chữ ký tên Lê Quang T1 trên tài liệu mẫu so sánh, không phải do cùng 01 người ký ra;

+ Chữ ký đứng tên Lê Quang T1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A9 đến A, A14 là dấu chữ ký nên không tiến hành giám định so sánh;

+ Hình dấu tròn nội dung Ngân hàng N5 - Chi nhánh B trên tài liệu giám định ký hiệu A13, A14 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh do cùng 01 con dấu ký ra;

+ Hình dấu tròn nội dung Bệnh viện T14 trên tài liệu giám định ký hiệu từ A1 đến A14 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh không phải do cùng 01 con dấu đóng ra;

+ Chữ ký đứng tên Bùi Quốc H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A14 do cùng một người ký ra;

+ Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký đứng tên Hoàng Thị Thu H2 (trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A4), Phạm Hoàng N1 (trên tài liệu cần giám định ký hiệu A7 đến A12), Lê Quang T1 (trên tài liệu cần giám định ký hiệu đến A5 đến A8, A13), Huỳnh Thị Thanh T7 (trên tài liệu cần giám định

ký hiệu A1 đến A4) so với chữ ký Hoàng Thị Thu H2, Phạm Hoàng N1, Lê Quang T1, Huỳnh Thị Thanh T7 do Bùi Quốc H ký ra trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Ngày 24/05/2024, Phân viện khoa học hình sự tại TP . ban hành Kết luận giám định, xác định: không đủ cơ sở kết luận các chữ ký của các cá nhân trên trên tài liệu cần giám định so với chữ ký do Bùi Quốc H ký ra là có phải hay không phải do cùng một người ký ra.

- Ngày 28/06/2024, Phòng K1 Công an T20 ban hành kết luận giám định số 5984/KL-KTHS, kết luận:

1. Hình dấu tròn có nội dung "SỞ Y TẾ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – BỆNH VIÊN TỪ DŨ" trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A107, A109, A111 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu dấu so sánh do cùng một con dấu đóng ra;

2. Hình dấu tròn có nội dung "M.Đ.Đ.K.D: 01125- C.T.T..N.H.H – Q. TÂN BÌNH – TP . – PHÒNG GIAO DỊCH ÂU CƠ CHI NHÁNH TÂN BÌNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A108 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra;

3. Hình dấu tròn có nội dung "M.S.C.N: 0100686174-036- C.T.T.N.H.H – Q – TP. HỒ CHÍ MINH – NGÂN HÀNG N5 CHI NHÁNH BÌNH PHÚ" trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A2 đến A107, từ A109 đến A122 (đã nêu ở mục II.1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra;

4. Chữ ký mang tên Bùi Quốc H trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9, từ A11 đến A107, từ A109 đến A113, A116, A118, A120, A122 so với chữ ký mang tên Bùi Quốc H trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra;

5 Chữ ký mang tên Lê Quang T1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A84, A107, A109, A111 so với chữ ký mang tên Lê Quang T1 trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra;

6. Chữ ký mang tên Trần Ngọc H1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A85 đến A106 so với chữ ký mang tên Trần Ngọc H1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu do cùng một người ký ra;

7. Chữ ký mang tên Phạm Hoàng N1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5, A24, A26, A110 so với chữ ký mang tên Phạm Hoàng N1 trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra;

8. Chữ ký mang tên Trần Bình H4 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký mang tên Trần Bình H4 trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

9. Chữ ký mang tên Phạm Thị P trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ ký mang tên Phạm Thị P trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra;

10. Chữ ký mang tên Phạm Thị P trên tài liệu cần giám định ký hiệu A24, A26 so với chữ ký mang tên Phạm Thị P trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra;

11. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thúy V trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5, A114 so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thúy V trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.;

12. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thúy V trên tài liệu cần giám định ký hiệu A24, A26, A117, A119, A121 so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thúy V trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra;

13. Chữ ký mang tên Lê Thị N2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A115 so với chữ ký mang tên Lê Thị N2 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu do cùng một người ký ra;

14. Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký mang tên Lê Thị N2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A117, A119, A121 so với chữ ký mang tên Lê Thị N2 trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không;

15. Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký mang tên Võ Hoàng Minh T4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A108 so với chữ ký mang tên Võ Hoàng Minh T4 trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Ngày 28/11/2024, Phòng K1 Công an T19 ban hành kết luận số 10228/KL-KTHS, kết luận:

1. Hình dấu tròn có nội dung "SỞ Y TẾ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - BỆNH VIỆN TỪ DŨ" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3, A6, A9, A10, A25, A32, A33, A35, A36, A38, A41, A42, A45, A50, A52, A56, A59, A60, A63, A64, A68, A80, A81, A85, A87, A103, A111, A113, A128, A132, A134, A270, A274, A287 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra;

2. Hình dấu tròn có nội dung "SỞ Y TẾ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - BỆNH VIỆN TỪ DŨ" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A13, A14, A17, A18, A21, A22, A28, A29, A44, A47, A48, A55, A67, A70, A73, A74, A76, A77, A78, A83, A90, A91, A94, A96, A97, A98, A101, A107, A116, A121, A136, A138, A141, A144, A147, A149, A151, A153, A155, A157, A158, A160, A163, A166, A168, A171, A174, A177, A180, A183, A186, A189, A192, A196, A199, A203, A207, A211, A213, A215, A217, A221, A225, A229, A234, A238, A240, A241, A242, A244, A245, A247, từ A249 đến A269, A273, A275, A276, A278, A279, từ A281 đến A286, từ A288 đến A305 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra;

3. Hình dấu tròn có nội dung "M.Đ.Đ.K.D: 01125 - C.T.T.N.H.H - Q – T.P HỒ CHÍ MINH – PHÒNG GIAO DỊCH ÂU CƠ CHI NHÁNH TÂN BÌNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM" trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra;

4. Hình dấu tròn có nội dung "M.S.C.N: 0100686174-036-C.T.T.N.H.H - Q.TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH - NGÂN HÀNG N5 CHI NHÁNH BÌNH PHÚ" trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra;

5. Chữ ký mang tên Bùi Quốc H trên tài liệu cần giám định so với chữ ký mang tên Bùi Quốc H trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra;

6. Chữ ký mang tên Lê Quang T1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3, A6, A9, A10, A25, A32, A33, A35, A36, A38, A41, A42, A45, A50, A52, A55, A56, A59, A60, A63, A64, A68, A80, A81, A85, A87, A103, A111, A113, A128, A132, A134, A287 so với chữ ký mang tên Lê Quang T1 trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra;

7. Chữ ký mang tên Lê Quang T1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A13, A14, A17, A18, A21, A22, A28, A29, A44, A47, A48, A67, A70, A76, A107, A116, A284, A285, A286 so với chữ ký mang tên Lê Quang T1 trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra;

8. Chữ ký mang tên Phạm Hoàng N1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A9, A32, A35, A41, A55, A59, A67, A80, A287, chữ ký dưới mục "Kế toán trưởng/ Người phụ trách kế toán" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A63 so với chữ ký mang tên Phạm Hoàng N1 trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra;

9. Chữ ký mang tên Phạm Hoàng N1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A13, A17, A21, A28, A44, A47, A73, A77, A90, A285 so với chữ ký mang tên Phạm Hoàng N1 trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra;

10. Chữ ký mang tên Trần Bình H4 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký mang tên Trần Bình H4 trên tài liệu mẫu so sánh ký do cùng một người ký ra;

11. Chữ ký mang tên Hoàng Thị Thu H2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A269, A276, A279, A282 so với chữ ký mang tên Hoàng Thị Thu H2 trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra;

12. Chữ ký mang tên Huỳnh Thị Thanh T7 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A270, A274 so với chữ ký mang tên Huỳnh Thị Thanh T7 trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra;

13. Chữ ký mang tên Huỳnh Thị Thanh T7 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A269, A273, A275, A276, A278, A279, A281, A282, A283 so với chữ ký mang tên Huỳnh Thị Thanh T7 trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra;

14. Chữ ký mang tên Lê Quang T1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A73, A74, A77, A78, A90, A91, A94, A96, A97, A98, A101, A121, A136, A138, A141, A144, A147, A149, A151, A153, A155, A157, A158, A160, A163, A166, A168, A171, A174, A177, A180, A183, A186, A189, A192, A196, A199, A203, A207, A211, A213, A215, A217, A221, A225, A229, A234, A238, A240, A241, A242, A244, A245, A247, từ A249 đến A268, từ A288 đến A297, chữ ký dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN A" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A83 là dấu chữ ký nên không tiến hành giám định so sánh với chữ ký trực tiếp mang tên Lê Quang T1 trên tài liệu mẫu so sánh;

15. Chữ ký mang tên Trần Ngọc H1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A298 đến A305 là dấu chữ ký nên không tiến hành giám định so sánh với chữ ký trực tiếp mang tên Trần Ngọc H1 trên tài liệu mẫu so sánh.

- Ngày 22/03/2024, Phòng K1 Công an T19 ban hành kết luận giám định số 3355/KL-KTHS, kết luận: 01 thùng máy tính hiệu HP ELTEDESK 800 G4 SFF, trên thùng máy có dán số Serial No là: 4CE83808FH, bên trong gắn 01 ổ cứng HHD hiệu Toshiba, dung lượng 500GB, có số S2 là: 9883GZ8KS trích xuất được 17,7 GB dữ liệu trong ổ cứng cần giám định để phục vụ điều tra vụ án.

- Ngày 10/12/2024, Phòng K1 Công an T19 ban hành Kết luận giám định số 14591/KL-KTHS, ngày 10/12/2024 kết luận: đã trích xuất được một số tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo, tin nhắn V để phục vụ điều tra vụ án và kèm theo kết luận giám định có 01 thiết bị lưu trữ chứa dữ liệu thu được từ đối tượng cần giám định.

***Trưng cầu giám định Ngân hàng N6*:**

- Ngày 07/12/2024, Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực Ngân hàng thuộc Ngân hàng N6 – Chi nhánh T21 ban hành Kết luận giám định, kết luận:

Quá trình tiếp nhận, xử lý chứng từ, luân chuyển, hạch toán lệnh chuyển tiền đi đối với 12 Ủy nhiệm chi từ ngày 22/3/2017 đến ngày 17/01/2023 với tổng số tiền 96.122.011.500 đồng đã thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 9 Quyết định số 149/QĐ - HĐTV - TCKT ngày 28/02/2014 của Hội đồng thành viên A1 Ban hành Quy định tổ chức giao dịch với khách hàng trong hệ thống A1 và Điều 9 Mục 1 Chương I Phần II Quyết định số 5206/QĐ-NHNo-TTTT ngày 30/12/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N5 (A1) V/v Ban hành Quy trình nghiệp vụ thanh toán trong hệ thống A1.

Về nội dung của Ủy nhiệm chi không có số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu của người thụ hưởng; Họ và tên của Kiểm soát ký trên chứng từ chưa đầy đủ theo quy định tại điểm d, điểm g khoản 1 Điều 5 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 Về việc ban hành Chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N6 ban hành.

***Về trách nhiệm dân sự*:** Bị hại Ngân hàng A1 – Chi nhánh T13 yêu cầu bị can Bùi Quốc H phải bồi thường số tiền 96.122.011.500 đồng đã chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 480/CT-VKS-P3 ngày 10/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Bùi Quốc Hoàn về các tội "Tham ô tài sản"; "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức"; "sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 4 Điều 353 và điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Ngoài ra Cáo trạng còn xác định:

Đối với Trần Đức T2 đã cho Bùi Quốc H mượn 01 tài khoản ngân hàng đứng tên T2 mở tại Ngân hàng A2 để nhận số tiền 96.122.011.500 đồng và thực hiện chuyển lại toàn bộ số tiền trên đến tài khoản Ngân hàng đứng tên H theo chỉ định của H.T2 không biết nguồn gốc số tiền, không tham gia bàn bạc và không được chia bất kỳ lợi ích nào từ số tiền H chiếm đoạt nên không đủ cơ sở xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với T2.

Các cá nhân gồm: Võ Hoàng Minh T4 - Nguyên Phó giám đốc Phòng G1, Trần Bình H4 - Nguyên Phó Giám đốc Chi nhánh B, Nguyễn Thị Thúy V - Nguyên Trưởng phòng kế toán - ngân quỹ, 05 giao dịch viên: Trần Thị Thanh

T6, Hoàng Ngọc H5, Phạm Thị P, Hoàng Thị H3, Lê Thị N2 là các nhân viên dưới quyền chỉ đạo điều hành của H đã thực hiện tiếp nhận, xử lý chứng từ (12 Ủy nhiệm chi) từ Bùi Quốc H và hạch toán lệnh chuyển tổng số tiền 96.122.011.500 đồng đến tài khoản Trần Đức T2. Căn cứ Kết luận giám định của Ngân hàng N6. Không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân trên, Cơ quan điều tra ban hành văn bản kiến nghị Cơ quan Thanh tra, giám sát thuộc Ngân hàng N6 xử lý hành vi vi phạm của các nhân viên trên theo đúng quy định là có căn cứ.

Đối với ông Lê Quang T1 không nhận tiền cũng như bất cứ lợi ích vật chất nào khác liên quan đến các Hợp đồng tiền gửi. Do đó, không có căn cứ để xem xét, xử lý hình sự đối với ông Lê Quang T1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 566/2025/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ Điều 7; điểm a khoản 4 Điều 353; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 39; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Quốc Hoàn T12 chung thân về tội "Tham ô tài sản"; 05 (năm) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 05 (năm) năm tù về tội "sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt của 03 tội và tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7 (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt Bùi Quốc H 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", buộc bị cáo Bùi Quốc H phải chấp hành hình phạt chung là Tù chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bùi Quốc H phải bồi thường cho Ngân hàng N5 (A1) số tiền 96.122.011.500 đồng (chín mươi sáu tỷ, một trăm hai mươi hai triệu, không trăm mười một nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Bùi Quốc H chưa thực hiện hết khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/9/2025 bị hại Ngân hàng N5 kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 114.486.747.065 và lãi phát sinh đến thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/12/2025:

*Ngân hàng N5 (có ông Nguyễn Tấn N là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

- Xác định bị cáo H phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của Ngân hàng N5 (từ 2017 đến 17/01/2024) tổng số là 114.486.747.065 đồng, không phải là 96.122.011.500 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Chứng cứ chứng minh cho nội dung này là giữa Ngân hàng và bệnh viện T14 đã đối chiếu lại các hợp đồng tiền gửi của bệnh viện tại Ngân hàng và xác định Ngân hàng còn nợ số tiền gốc mà bị cáo H đã chiếm đoạt là 114.486.747.065 đồng. Ngoài ra, đại diện Ngân hàng xác nhận trong quá trình tố tụng khi nhận được Kết luận điều tra và Cáo trạng xác định số tiền bị cáo H chiếm đoạt của bị hai (Ngân hàng) chỉ là 96.122.011.500 đồng thì phía bị hại cũng không có khiếu nại nội dung kết luận trên.

- Số tiền bị cáo H chiếm đoạt có nguồn gốc từ tiền gửi tiết kiệm của khách hàng tại Ngân hàng, nên bị hại vẫn phải trả lãi phát sinh cho khách hàng trên tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Do vậy, Ngân hàng xác định *khoản tiền lãi phải trả cho khách hàng gửi số tiền bị cáo chiếm đoạt* gọi là khoản thiệt hại mà bị hại phải chịu do hành vi tham ô của bị cáo đã gây ra. Phía bị hại chưa đưa ra số liệu cụ thể về khoản tiền lãi này tại phiên tòa nhưng theo sơ tính thì khoảng 40 tỷ đồng. Trường hợp bị cáo tự nguyện bồi thường đủ số tiền 114.486.747.065 đồng thì phía bị hại cũng đồng ý và đề nghị Tòa án ghi nhận.

*Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án mà Bản án sơ thẩm đã nêu, hình phạt tuyên phạt tù Chung thân đối với bị cáo không oan sai nên bị cáo không kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với nội dung yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại thì bị cáo không đồng ý. Ngoài ra bị cáo nêu: Bị cáo chiếm đoạt đã chiếm đoạt tổng số tiền như bản án sơ thẩm đã xác định là 96.122.011.500 đồng nên bị cáo chỉ chấp trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 96.122.011.500 đồng, không đồng ý việc Ngân hàng cho rằng bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 114.486.747.065 đồng.

Đối với nội dung yêu cầu kháng cáo cho rằng bị cáo tham ô 96.122.011.500 đồng, gây thiệt hại tiền gửi của khách hàng kể từ ngày bị cáo chiếm đoạt tiền thì bị cáo đồng ý là hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thiệt hại là có. Nhưng bị cáo không đồng ý với yêu cầu thỏa thuận ghi nhận như phía bị hại nêu. Bị cáo đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử quyết định tạm dừng phiên tòa ngày 15/12/2025 để Ngân hàng nộp chứng cứ chứng minh về thiệt hại bằng số liệu cụ thể.

Ngày 22/12/2025 phiên tòa tiếp tục, đại diện hợp pháp của bị hại là Ngân hàng nông nghiệp nộp chứng cứ là Bảng tính *tổng thiệt hại của A1 từ việc bị cáo Bùi Quốc H chiếm đoạt* 96.122.011.500 đồng thông qua 12 Uỷ nhiệm chi. Việc tính thiệt hại trên cơ sở số tiền bị chiếm đoạt, mốc thời gian bị cáo chiếm đoạt và mức lãi suất theo quy định của nhà nước vào thời điểm bị cáo chiếm đoạt tiền. Kết quả tính thể hiện tổng số tiền lãi phát sinh từ khoản tiền bị cáo chiếm đoạt là 38.373.763.862 đồng (số tiền lãi Ngân hàng vẫn phải trả cho khách hàng gửi

tiền). Ngoài ra, đại diện hợp pháp của Ngân hàng xin rút lại yêu cầu kháng cáo về việc xác định số tiền gốc bị cáo chiếm đoạt là 114.486.747.065 đồng, chỉ yêu cầu xem xét xác định khoản tiền lãi phải trả cho khách hàng gửi số tiền bị cáo chiếm đoạt cũng là thiệt hại của Ngân hàng, buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền số tiền là 38.373.763.862 đồng và số tiền bị cáo chiếm đoạt 96.122.011.500 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử.

Bị cáo đã được kiểm tra Bảng tính *tổng thiệt hại của A1 từ việc bị cáo Bùi Quốc H chiếm đoạt* 96.122.011.500 đồng thông qua 12 Uỷ nhiệm chi (do bị hại cung cấp), đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật và xem xét thêm trong 96.122.011.500 đồng bị cáo chiếm đoạt của Ngân hàng thì đã có một số tiền lãi, nên yêu cầu Ngân hàng trừ số tiền đó ra. Tuy vậy, bị cáo cũng xác nhận là từ khi chiếm đoạt số tiền 96.122.011.500 đồng thì bị cáo chưa trả được bất kỳ số khoản tiền nào cho Ngân hàng.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất của hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Quốc H về các tội danh đã tuyên là có căn cứ pháp luật, mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo và các bên đương sự khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị về phần tội danh và hình phạt. Do vậy, bản án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật đối với phần hình phạt.

Xét kháng cáo đại diện hợp pháp bị hại:

- Đối với yêu cầu xác định số tiền gốc là 114.486.747.065 đồng của ngân hàng vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm và Ngân hàng đã rút lại yêu cầu này, nên Viện kiểm sát không xem xét.

- Đối với yêu cầu buộc bị cáo bồi thường thêm tiền lãi theo lãi suất tiền gửi trên số tiền bị cáo chiếm đoạt là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo ngân hàng, buộc bị cáo bồi thường thêm cho ngân hàng số tiền 38.373.763.862 đồng vì số tiền bị cáo chiếm đoạt là tiền khách hàng gửi vào Ngân hàng nên phát sinh lãi, Ngân hàng phải trả tiền lãi cho khách hàng, là khoản thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Theo bị cáo thì phương pháp tính lãi của ngân hàng là không đúng, nên không đồng ý số tiền lãi theo bảng tính lãi của ngân hàng, nhưng không nêu được cụ thể số tiền nếu tính toán đúng (theo bị cáo) là bao nhiêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bệnh viện T14 trình bày: Số tiền gửi tại ngân hàng thì bệnh viện đang cần cho việc xây dựng cơ sở mới tại C, nên mong muốn được sớm nhận số tiền này. Đối với yêu cầu kháng cáo của ngân hàng thì bệnh viện không có ý kiến.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Ngân hàng tính lãi là theo mức tiền lãi tiền khách hàng gửi tiền vào tại các thời điểm bị cáo chiếm đoạt, không phải là tính theo mức lãi suất Ngân hàng cho vay là có lợi cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thực đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không có kháng cáo, Viện kiểm sát có thẩm quyền không có kháng nghị về tội danh và hình phạt; Bị hại kháng cáo về việc xác định lại số tiền bị cáo chiếm đoạt và yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền lãi mà bị hại vẫn phải trả cho khách hàng gửi tiền trên tổng số tiền đã chiếm đoạt. Do vậy, trong phạm vi xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử chỉ xét xử phúc thẩm phần dân sự trong bản án hình sự sơ thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Bị cáo Bùi Quốc H đã thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 3/2017 đến tháng 01/2023, Bùi Quốc H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật gồm: Làm giả hình dấu tròn Bệnh viện T14; làm giả dấu chữ ký của Giám đốc Bệnh viện T14; giả chữ ký Chủ tài khoản Bệnh viện T14; giả chữ ký của Kế toán trưởng bệnh viện T14; sử dụng con dấu giả của Bệnh viện T14 đóng trên 12 Ủy nhiệm chi; ký giả chữ ký của nhân viên Ngân hàng A1 trên các tài liệu làm giả và giao số chứng từ giả đã làm cho các Kiểm soát viên Phòng giao dịch và Giao dịch viên Ngân hàng A1 là cấp dưới của H tại chi nhánh T22, xử lý chứng từ, hạch toán lệnh chuyển tổng số tiền 96.122.011.500 đồng từ tài khoản tiền gửi của Bệnh viện T14 tại Ngân hàng A1 Chi nhánh B đến tài khoản cá nhân của Trần Đức T2 (bạn của H). Sau đó, H yêu cầu T2 chuyển toàn bộ số tiền đến tài khoản đứng tên cá nhân của H để chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Với hành vi nêu trên có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Bùi Quốc H đã phạm vào các tội "Tham ô tài sản"; "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 353, khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vụ lợi cho cá nhân bị cáo Bùi Quốc H đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và hoạt

động đúng đắn, uy tín của của Ngân hàng A1, trong quản lý tài chính và hoạt động của Ngân hàng A1 Chi nhánh B, làm ảnh hưởng xấu đến sự an toàn của hệ thống ngân hàng trong quản lý tài sản nói chung; hành vi "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" đã xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng và các hoạt động trao đổi, giao dịch tín dụng ngân hàng. Bị cáo nhận thức rõ hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng đã lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn được giao để thực hiện tội phạm, bất chấp hậu quả xảy ra, cố ý phạm tội.

Với hành vi bị cáo đã tham ô *chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở lên* ; *làm giả 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên* ; *Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 4 của Điều 353; điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ kết quả điều tra và phần kết luận của bản cáo trạng truy tố bị cáo H không bị khiếu nại, thắc mắc từ phía bị hại là Ngân hàng A1, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Bùi Quốc H phải bồi thường (trả lại số tiền đã tham ô) cho Ngân hàng A1 số tiền 96.122.011.500 đồng là phù hợp.

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị hại Ngân hàng A1:

Thứ nhất: Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định bị cáo H phải bồi thường lượng tiền đã chiếm đoạt của Ngân hàng N5 (từ 2017 đến 17/01/2024) tổng số là 114.486.747.065 đồng, không phải là 96.122.011.500 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của Ngân hàng đã rút lại yêu cầu này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Mặt khác, Hội đồng xét xử nhận định thêm, trong quá trình điều tra truy tố xét xử sơ thẩm các cơ quan tiến hành tố tụng đã xác định bị cáo H thực hiện hành vi tham ô tài sản và chiếm đoạt của Ngân hàng A1 96.122.011.500 đồng, bị cáo thừa nhận và phía Ngân hàng không có ý kiến phản bác. Do đó, việc Ngân hàng cho rằng vì đối chiếu lại số tiền gửi của khách hàng là Bệnh viện T14 thì số tiền bị cáo chiếm đoạt thực tế là 114.486.747.065 đồng để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về nội dung này là không có cơ sở xem xét bởi: Việc xác định số tiền bị chiếm đoạt theo chiều hướng bất lợi cho bị cáo mà bị cáo không đồng ý phải được các cơ quan tố tụng về điều tra truy tố kết luận.

Thứ hai: Xét nội dung kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm buộc bị cáo phải bồi thường khoản tiền lãi trên số tiền cơ quan tố tụng đã xác định bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa*

chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra".

Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản tiền bị cáo thực hiện hành vi "Tham ô tài sản" đã chiếm đoạt của bị hại là khoản tiền gửi của khách hàng. Đối với toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt là 96.122.011.500 đồng thì, Ngân hàng đã mất quyền sử dụng trong hoạt động kinh doanh để sinh lời nhưng vẫn được phản ánh trên sổ sách là các khoản tiền gửi của khách hàng nên Ngân hàng vẫn phải trả lãi tiền gửi cho khách hàng. Vậy, khoản tiền lãi phải trả cho khách hàng gửi số tiền 96.122.011.500 đồng (mà bị cáo chiếm đoạt) được xác định là khoản tiền thiệt hại do hành vi phạm tội "Tham ô tài sản" của bị cáo đã gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng A1 về nội dung: Ngoài việc buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A1 số tiền đã chiếm đoạt là 96.122.011.500 đồng thì còn phải bồi thường cho Ngân hàng A1 số tiền lãi phát sinh (từ số tiền đã chiếm đoạt) là số tiền thiệt hại được xác định theo Bảng tính *tổng thiệt hại của A1 từ việc bị cáo Bùi Quốc H chiếm đoạt* 96.122.011.500 đồng thông qua 12 Uỷ nhiệm chi. Việc tính thiệt hại trên cơ sở số tiền bị chiếm đoạt, mốc thời gian bị cáo chiếm đoạt và mức lãi suất theo quy định của nhà nước vào thời điểm bị cáo chiếm đoạt tiền. Kết quả tính thể hiện tổng số tiền lãi phát sinh từ khoản tiền bị cáo chiếm đoạt là 38.373.763.862 đồng (số tiền lãi Ngân hàng vẫn phải trả cho khách hàng gửi tiền).

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị hại; Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

[5] Việc sửa bản án sơ thẩm là do chứng cứ mới về yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy việc sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại Hội đồng xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Bùi Quốc H; biện pháp tư pháp; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 242.495.775 đồng (112.000.000 đồng + 0,1% x (134.495.775.362 đồng – 96.122.011.500 đồng))

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng N5 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu kháng cáo của bị hại Ngân hàng N5;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 566/2025/HSST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm dân sự.

Tuyên xử:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bùi Quốc H phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt và phải bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng N5 với tổng số tiền là 134.495.775.362 đồng (Một trăm ba mươi bốn tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó số tiền 96.122.011.500 đồng là số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và 38.373.763.862 đồng là số tiền bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Bùi Quốc H chưa thực hiện hết khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Bùi Quốc H; biện pháp tư pháp; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Quốc H phải chịu 242.495.775 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi lắm nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng N5 không phải chịu; Hoàn trả cho Ngân hàng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022668 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TTG Chí Hòa – T30;
(Tống đạt cho bị cáo)
- BH (1);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 21b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên